



Kẻ sĩ Chu An

(1292-1370)

Gs Lê Hữu Mục

Montréal, Canada

Chu An là người làng Quang Liệt, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông, sinh ngày 15.8 năm Nhâm Thìn (1292), mất ngày 26 tháng 11 năm Canh Tuất (1370). Ông đậu Thái học sinh năm 1314 nhưng không ra làm quan, thích ở nhà dạy học. Học trò nghe tiếng đến học rất đông, trong đó có những nhân vật nổi tiếng như Phạm Sư Mạnh, Lê Quát. Cả hai đều đã đỗ Thái học sinh năm 1323, và đã giữ những chức vụ lớn trong quan trường. Chu An nhận lời mời của Trần Minh Tông ra làm tư nghiệp Quốc Tử Giám năm 1341 và làm thầy dạy kinh sách cho Trần Dụ Tông. Qua bài thơ *Hạ Tiểu ấn tiên sinh Quốc tử giám tư nghiệp*, bài số 13 trong *Băng-hồ ngọc-hác tập* của Trần Nguyên Đán, ta được biết Chu An trong thời gian này là thần tượng của giới trẻ, những người thanh niên hiếu học, ưa hoạt động, hăng say trong việc thực hiện những quyết lệnh đạo đức của thánh hiền; trong khi đó một thanh niên ngoài 20 tuổi, tuy là học trò của ông và đang nắm giữ chính quyền, nhưng lại đi ngược lại những lời giáo huấn của ông đã trình bày trong *Tứ thư thuyết ước*, giáo trình triết học của ông tại giảng đường Quốc Tử Giám. Người học trò nổi tiếng vô đạo ấy là Trần Dụ Tông sinh năm 1336, cùng tuổi với Hồ Quý Ly, đã công khai đâm mình trong cuộc truy hoan kéo dài trong cung Trường Xuân, cung Vị Ương, thích xem những trò cổ tích như "*Tây Vương mẫu dâng bàn đào*", do Dương Khương và bà vợ trình diễn tại kinh đô năm 1362, thích chiêu tập những người nhà giàu ở làng Đình Bảng, làng Nga Đình vào cung đánh bạc, mỗi một tiếng bạc ăn thua đến 300 quan tiền, thích uống rượu thi với Bùi Khoan (1364); có khi Trần Dụ Tông lên bỏ kinh đô vào ban đêm để ra ngoại ô hành lạc: như năm 1366, vua "đi chiếc thuyền nhỏ" ngủ đêm đến chơi nhà riêng của Thiếu úy Trần Ngộ Lang ở Mễ Sở, nửa đêm đi về, khi đến bãi Chử Gia bị kẻ trộm lấy mất cả áo báu và gươm báu. Tự biết là điếm chẳng lành, nhà vua lại càng buông thả ăn chơi dâm dật. Những hành động vô luân này đã làm cho tư nghiệp Chu An phẫn nộ. Ông đã đệ trình *Thất trảm sớ* để yêu cầu nhà vua chém đầu 7 người gian thần có quyền thế và được nhà vua sủng ái như bọn hoạn quan Phạm Nghiêm Từ, phú hộ Nguyễn Ché, bọn thầy thuốc Trâu Canh, Vương Định Phạm Thê Thương, bọn phường chèo Dương Khương và bà vợ mệnh danh là Vương mẫu, bọn Bùi Khoan, Trần Ngộ Lang; tất cả là một bọn vô học nhưng có tài bợ đỡ nên đã chinh phục được lòng tin yêu của nhà vua, khuynh loá hoàn toàn ảnh hưởng của các nhà trí thức đang lo âu trước những biến chuyển mau chóng của thời thế. Bài sớ của Chu An dĩ nhiên không được nhà vua nghe theo, và Chu An đã mạnh bạo trao trả mũ áo, trở về vui thú điền viên tại núi

Chí Linh. Những tác phẩm của Chu An như *Tứ thư thuyết ước*, *Thất trăm sáu Tiều ẩn thi tập*, *Tiêu ẩn quốc ngữ thi tập* đều đã bị nhà Minh tịch thu đem về Kim Lăng và cho đến nay, đã hoàn toàn bị thất truyền. Sự kiện này chứng thực tầm quan trọng của những tác phẩm nói trên về phương diện phát huy ý thức dân tộc, điều mà nhà Minh muốn huỷ diệt tận nguồn để toả chiết tinh thần quật khởi của người Giao Chi. Hiện nay, ta chỉ có thể căn cứ trên cuốn *Chu Văn Trình công thi tập*, gồm 10 bài thơ đã được Bùi Bích chép lại trong *Hoàng việ thi tuyển*, đó là những bài: -Chí Linh sơn tạp hứng. -Thanh Lương giang. -Nhật tịch bộ Tiên Du sơn tùng kính. -Giang đình tác. -Miệt trì -Sơ hạ -Xuân đán

1- Tư tưởng của Chu An

Những buổi chiều trên quê hương. Trong số 7 bài thơ còn sót lại của Chu An thì đã có 5 bài nói về buổi chiều, đó là những bài từ số 1 đến số 5. Tác giả nó đến một buổi chiều vắng vẻ ở núi Chí Linh, những cảnh núi rừng trải rộng trong cô tịch, con đường ngập cỏ không có một bóng người qua, tiếng chim thước ở xa chìm đắm trong mây khói (*Chí Linh sơn tạp hứng*). Đây cũng là hình ảnh buổi chiều trên sông Thanh Lương, tục gọi là sông Vạ; bóng chiều vắt ngang lưng núi, thuyền đánh cá từng đôi một trở về theo dọc bờ sông, tác giả một mình thui thủi nghe gió thổi vi vu và ngắm nước thủy triều đang dâng lên từng ngọn nhỏ (*Thanh Lương giang*). Có khi tác giả lững thững đi bộ một mình trên núi Tiên Du, nhìn núi Lạn Khả mịt mù trong sương khói, xa xa có tiếng sáo văng vẳng giữa bầu trời bát ngát mênh mông, trong khi chim chiều bay vội trong sương mờ, con cá lạnh lẽo nhảy vọt lên trên làn nước suối xanh biếc; thế rồi tiếng sáo loảng dần cùng với thời gian lặng lẽ qua, làm cho núi Phật Tích phía tây đã chìm lại càng thêm vắng vẻ (*Nhật tịch bộ Tiên Du Sơn tùng kính*). Buổi chiều còn quạnh quẽ hơn khi tác giả đứng một mình trong chiếc quán nhỏ bên sông, vẫn chờ đợi những chiếc thuyền từ ngoài khơi trở về; gió thổi mạnh từ đầu ghềnh đưa tiếng sáo của ai lên cao vút, bóng chiều đã trở về trên vẻ nhợt nhạt của màu nắng hồng; trời tối dần, nhìn ra xa chỉ thấy dằng dặc một màu xanh mênh mông, như công danh hoang đường đã rơi rụng như cuộc đời làm quan xưa kia chỉ là một cuộc phiêu du, không như bây giờ cuộc đời tự do biết bao, tự đi tự lại không có gì có thể ngăn giữ được, chẳng khác gì con chim âu đang vùng vẫy trong muôn trùng sóng biếc (*Giang Đình Tác*). Buổi chiều với ánh trăng non cũng ập ủ một nỗi buồn dằng dặc như vậy. Trăng nước bên cầu đùa giỡn với bóng chiều hôm, hoa sen với lá sen, nương tựa vào nhau lặng lẽ. Cá chơi ở ao xưa, rồng bây giờ ở đâu? Mây dùn đầu núi trôi, hạc chưa bay về. Cây quế già theo gió đưa hương thơm trên đường đá trong khi những lá rêu non đầm nước che lấp cả cánh cửa thông. Lòng của tác giả chưa lạnh lẽo như tro nguội, bởi vậy, mỗi lần nghe nói về thượng hoàng Trần Minh Tông là nước mắt của tác giả lại lăn chã tuôn rơi giữa sự tịch mịch của buổi chiều (*Miệt Trì*). Bài thơ cuối cùng này nói về buổi chiều đã bắt đầu ngã sang một chủ đề khác mạnh mẽ hơn, sáng sủa hơn, có ánh sáng chiếu về làm nảy nở mầm hy vọng mới.

Những mùa ánh sáng: Ngay trong những bài thơ trên tả cảnh buổi chiều, ánh sáng không bao giờ vắng bóng; ta chỉ thấy dâng lên qua khung cảnh của bài thơ một không khí tịch mịch êm đềm, một thế giới quạnh quẽ xa xôi trong đó tiếng sáo vút lên như đưa tâm hồn vượt khỏi những kích thước tầm thường của trần gian để bay đến những chân trời rộng lớn. Từ những thế giới này ánh sáng rực rỡ chiếu ra theo những luồng gió mát bắt đầu trời cùng tiếng nhạc ve vạc hội. Ánh sáng hắt ra từ màu hoa sen, từ màu trắng của măng tre bắt đầu chớm nở như một tâm hồn trinh bạch (*Sơ Hạ*). Ánh sáng còn toả ra từ màu xanh biếc của cỏ làm cho trời đất chênh choáng như say rượu, màu đỏ hồng rực rỡ thắp vào cánh hoa làm cho giọt sương rung rinh chiếu ánh sáng như từ một viên ngọc quý (*Xuân Đán*).

Những ý chí phục vụ sắt son: Từ dịch khoảng năm 1366 để phản đối sự lộng hành của bảy tên quyền thần, Chu An đã thực hiện một cách ngoạn mục tình thần phục vụ của Hưng Minh Vương Trần Quốc Tảng, của Trương Hán Siêu của các thi sĩ trong thi xã Bích Động. Bài *Thất trăm số* đã không còn nữa để cho ta phân tích đầy đủ tư tưởng của Chu An, nhưng căn cứ trên 7 bài thơ còn lại, ta cũng có thể một phần nào hiểu được ý chí phục vụ của Chu An. Trước hết, việc từ dịch của ông không phải là một thái độ bất hợp tác: ông chỉ muốn phân biệt nhiệm vụ và quyền lợi, bởi vì sự hiện diện của ông ở triều đình tuy bảo vệ quyền lợi của cá nhân ông nhưng lại gây nguy hại cho đại cuộc, trong khi đó, việc từ dịch của ông không mấy may xúc phạm trọng trách vệ đạo của một nho sĩ xác tín như ông, nếu tại chức là một nhiệm vụ, thì từ dịch cũng là một nhiệm vụ, khi nhà nho biết khước từ quyền lợi cá nhân. Bởi vậy, trong bài *Xuân Đán*, Chu An thành thật bộc lộ niềm tha thiết của ông đối với sự trường tồn của triều đại nhà Trần; cũng như những đám mây đang chờn vờn trên đỉnh núi Chí Linh, ông vẫn ngày đêm quyền luyện với tất cả những gì có liên hệ tới triều chính mặc dù tuổi tác đã cao:

Mây trôi, thân lão, non còn vẫn.

Giếng cũ, lòng già, sóng hết lan.

Trong bài *Miệt Trì* nói về chiếc ao ba ba (dịch chữ Miệt trì) ở núi Phụng Hoàng, trước kia ở ranh giới huyện Phụng Sơn, xứ Kinh Bắc, tác giả đã có dịp so sánh xã hội đời Trần với một chiếc ao ba ba, chỉ có cá chơi ở ao xưa, còn rồng thì đi vắng, chỉ có mây đùn trên đầu núi trơ trọi, còn hạc thì chưa thấy bay về; cây quế già theo gió đưa hương thơm trên đường đá, trong khi những tảng rêu non dầm nước che lấp cả cánh cửa thông; tác giả kết luận rằng trước cái cảnh trái ngược ấy, tác lòng riêng của ông chưa lạnh lùng như tro nguội cho nên khi liên tưởng đến những chuyện tốt đẹp mà chế độ nhà Trần đã thực hiện vào thời thượng hoàng Trần Minh Tông, những chuyện hoàn toàn tương phản với sự thật phũ phàng đời Trần Dụ Tông, Chu An chỉ biết gạt thẳm giọt lệ một cách đau đớn. Bài thơ cho ta thấy rõ ràng lòng gắn bó của Chu An với triều đại nhà Trần; những lời phê phán của ông hướng về những hành động điên cuồng của Trần Dụ Tông và của tập đoàn bạo đả chung quanh xuất phát từ lòng phục vụ nhiệt thành, từ một con người ý thức được nhiệm vụ của mình là phải hoạt động bất cứ vào địa vị nào để giúp vua cứu nước:

Tác lòng chưa nguội như tro đất,

Nghe chuyện tiên hoàng giọt lệ sa.

Giọt lệ sa (Hán văn: lệ ám huy) đó có phải là hành động tiêu cực không? Dĩ nhiên xét về phương diện chính trị, thì đó hiển nhiên là một hành động tiêu cực và chẳng những chỉ là tiêu cực mà thôi, mà còn tỏ ra yếu đuối nữa; nhưng ta cũng phải biết rằng Chu An là một nhà nho mà sự phục tùng đối với nhà vua bao giờ cũng là tuyệt đối. Ở vào một trường hợp như Chu An, khi đã từ dịch mà không bị bọn tham nhũng trả thù thì uy tín có thể đã gọi là to lớn; còn chuyện làm cách mạng để lật đổ chính quyền thì chưa chắc lúc nào cũng là một biện pháp hay, cho nên công việc mà Chu An phải làm là phải cải hoá Trần Dụ Tông trước đã; sau đấy, dùng hành động và văn chương để tố cáo trước dư luận những ý đồ xấu xa của bọn tham ô. Bài thơ *Miệt Trì* là một bản cáo trạng hùng hồn lên án những hành động của loài cá, của rong rêu, nghĩa là của bọn thầy thuốc Trâu Canh, bọn hoạn quan Phạm Nghiêu- Từ, bọn trụy lạc Bù Khoan và Trần Ngô Lang, bọn nhà giàu Nguyễn Ché. Nếu bài *Thất trăm số* đã không được nhà vua để mắt tới thì một bài thơ như bài *Miệt trì* bắt buộc nhà vua phải đọc, bắt buộc nhà vua phải suy nghĩ về những hành động xấu xa của mình, như những Cung định vương Phủ, Cung định vương Kính, công chúa Thiên Ninh, Bạng hồ Trần Nguyên Đán là những người lật đổ Dương Nhật Lễ năm 1370. Nói tóm tắt dù đã từ dịch và sống một cách âm thầm trong đời núi

Chí Linh, Chu An đã không bao giờ ngừng hoạt động để phục hồi uy tín của triều đình; ông đã sử dụng những biện pháp văn hóa như giáo dục và văn chương để huấn luyện và cảnh giác ý thức quật khởi của quần chúng, chứng thực ý chí phục vụ của nhà nho Chu An lúc nào cũng bền vững một niềm sắt son.

Niềm tin vào thanh niên Để thực hiện chương trình giúp nước cứu dân ấy, Chu An mong đợi vào lòng hăng hái tham gia của thanh niên. Ông đã mô tả kì vọng của ông trong bài *Sơ hạ*:

Văng vể nhà rừng tỉnh giấc trưa,

Sân hòe gió mát một luồng đưa.

Lũy xưa én kiếm bay sau trước,

Tiếng mới ve kêu đến nhật thừa.

Điểm nước sen khe không vể tục,

Vượt rào măng trúc chẳng tài vừa.

Ôm đàn, ngòi lặng, sinh lười biếng,

Sách nát trên bàn, gió giở tờ.

Bài thơ thoát ra một sinh khí khỏe mạnh,. sinh khí của hè ấm áp thay thế cho mùa xuân lạnh lẽo, của tuổi thanh niên đang vươn dậy như măng trúc vượt rào của tuổi trẻ tươi đẹp như đóa sen rừng rực rỡ trong lòng suối xanh. Thanh niên đây là những người lớp trẻ như Nguyễn Ứng Long, Trần đình Thâm, Phạm Nhân Khanh, hoặc những người trưởng thành hơn như những Trần Phủ, sinh năm 1321, sau 1370 là vua Trần Nghệ Tông, Trần Nguyên Đán sinh năm 1337, sau 1372, là vua Trần Diệu Tông. Họ đã chứng kiên được thái độ can đảm của Chu An khi từ dịch họ đã được đọc những bài thơ hùng hồn mạnh mẽ kích thích tinh thần tranh đấu của họ; họ đã nhận định được tình thế để thi hành những việc phải thi hành. Họ đã tham gia vào phong trào văn học phê phán triều đại Trần Dụ Tông mà những nhà văn tiêu biểu là tam Phạm (Phạm Ngô, Phạm Tông Mai, Phạm Sư Mạnh), Nguyễn Tử Thanh, Lê Quát, Đỗ Tử Vi, Chu Đường Anh. Tháng 11 năm Canh Tuất (1370) họ đã lật đổ Dương Nhật Lễ, và Chu An vội vã chống gậy đến mừng đại diện của họ là Cung Định Vương Phủ vừa lên ngôi niên hiệu là Trần Duệ Tông. Họ đã làm đúng như lời mơ ước của Chu An.

2- Giá trị của Chu An

A- Một nhà giáo có giáo trình Giá trị nổi bật của Chu An không phải là ông đã có bằng thái học sinh tức tiến sĩ, và được chính quyền mời làm Quốc tử giám tư nghiệp, mà chính là vì ông đã soạn thảo một giáo trình có giá trị đối với các sinh đồ đương thời và nhất là đối với các giai cấp nhân dân, đó là cuốn *Tứ thư huyết ước*. Tác phẩm đã thất truyền vì manh tâm phá hoại văn hoá Việt Nam của quân xâm lược nhà Minh, nhưng căn cứ trên nhan đề của tác phẩm cũng đủ thấy rằng tác giả không muốn cùng lí ở chỗ phồn văn mà chỉ muốn chú trọng về thực hành, lấy điều minh đạo hoá dân làm gốc. Tinh thần trọng thực hành ấy chắc chắn đã thúc đẩy tác giả quan niệm và giải quyết những vấn đề mà Nho giáo đã đặt ra trong thực tế chính trị và văn hoá Việt Nam, hun đúc tinh thần độc lập, tự cường mà nho sĩ cần phải có trong sinh hoạt hằng ngày. Một môn sinh của Chu An, Trần Phủ, sau này là vua Trần Nghệ Tông đã nói: "Trần triều ta lập quốc đã tự có pháp độ riêng, chứ không theo của nhà Tống. Bởi vì Nam - Bắc đều tự chủ lấy mình, không nên phỏng chếp của

nhau" . Nhận định của Trần Nghệ Tông cho ta kết luận tinh thần Nhô giáo chi phối sự soạn thuật *Tứ thư thuyết ước* là tinh thần Chu Công Đán, thần tượng của Hồ Quý Ly, chứ không phải là Khổng Tử, Mạnh Tử, hay các danh nho đời Tống. Giáo trình triết học của Chu An đã gây một vùng ảnh hưởng quan trọng về chính trị và văn học.

B- Một nhà chính trị nhiệt thành .Tham gia chính quyền vào lúc mà một người khác bắt đầu sửa soạn để rút lui, Chu An hiểu rõ thế nào là chính trị; và nhà làm chính trị không phải là một người chạy theo chính quyền để làm một tay sai ngoan ngoãn, mà ngược lại, phải là người soi sáng cho chính quyền đi theo những nguyên tắc chính trị đã được tiên nho chủ trương; khi chính quyền không thi hành những vấn đề đã qui định, phải có can đảm đứng lên để phản kháng. Về điểm này, Chu An là một điểm son trong lịch sử chính trị Việt Nam. Ông đã tham gia vào sinh hoạt chính trị để thiết lập trật tự và ổn định tình thế; ông đã kêu gọi nhà cầm quyền triệt hạ bọn tham ô; ông đã phản kháng chính quyền bằng đơn xin từ dịch; nhưng ngay trong đời sống ẩn dật của một nhà chính trị vì tình thế đã trở thành đối lập, Chu An vẫn theo dõi những biến chuyển của thời cuộc, vẫn chú trọng đến những hoạt động của triều đình và sẵn sàng tái hợp tác nếu Trần Dụ Tông trở lại chấp nhận những đề nghị của ông. Tư tưởng và hành động của Chu An về phương diện chính trị đã soi sáng những sáng tác văn học của ông và thế hệ 1343 - 1370.

C- Một nhà văn nhập cuộc. Nhập cuộc là tính chất căn bản của văn chương nói chung, nhưng trong những tác phẩm của Chu An, nó đã mang một thuộc tính đấu tranh quyết liệt. Đối tượng của Chu An là những người đồng thời: ông viết để diễn đạt những hi vọng và những phần nộ của chính ông và của họ, không phải với tính cách là một thực thể siêu hình như trong quan điểm văn học của Tế Xuyên, mà với tính cách là một con người có tự do đương đầu với mọi hình thức độc tài sa đoạ, bất công, tham nhũng. Nhờ ở những phát giác của ông, con người có thể tự nhìn thấy được mình, nhận ra vị trí của mình bên cạnh người khác, và nhờ đấy, có thể tự vượt. Tác phẩm văn chương của Chu An là một tổng hợp giữa phủ định và dự định, phủ định hiện tại với những dữ kiện không mấy tốt đẹp và dự định phác họa một trật tự trong tương lai. Có thể nói, với Chu An, văn học đã tự ý thức được văn học; sự chủ quan của Chu An đã diễn dịch được một cách sâu xa những nguyện vọng và nhu cầu tập thể; lời kêu gọi của ông đã kích thích tinh thần yêu tự do của thanh niên và đã làm cho họ bật dậy để thực hiện và duy trì sự thống trị của tự do. Chu An là một nhà văn nhập cuộc đích thực.

D - Vị trí của Chu An trong văn học Những nhận xét trên khẳng định vị trí ưu đãi của Chu An trên diễn đàn văn học; ông là một tư nghiệp có tinh thần văn hoá cao, một nhà trí thức biết nhận định về thời đại mình và nhất là một nhà văn có tư tưởng sâu xa cô đọng. Tư tưởng của ông không nằm rời rạc trong tác phẩm; hình thức của 7 bài thơ còn lại chính là ý tưởng của Chu An, nó phát triển theo những tiềm năng u trầm của nó và tự choàng vào mình một hình thể; Chu An đã sử dụng tất cả những tiềm năng ấy về phương diện nhạc tính cũng như về nội dung khái niệm, nối kết từ ngữ bằng ẩn dụ và hình ảnh, trói buộc chúng bằng nhịp điệu và sáng chế ra những biểu tượng chưa từng có trong những tác phẩm văn chương có trước ông. Những người đồng thời với Chu An đã chịu ảnh hưởng sâu đậm của ông về tư tưởng cũng như về bút pháp, ta có thể nói tới họ để hiểu rõ thế hệ Chu An hơn.